

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

VÕ NHẬT PHONG*

Giữ người trong trường hợp khẩn cấp quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 được xây dựng trên cơ sở kế thừa nội dung của biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp quy định tại BLTTHS năm 2003 nhằm củng cố quyền con người và quyền công dân trong lĩnh vực tố tụng hình sự đã được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận. Tuy nhiên, quá trình áp dụng quy định về biện pháp này đã bộc lộ một số bất cập, gây khó khăn cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự các đối tượng phạm tội. Do đó, trong phạm vi bài viết, tác giả đưa ra một số đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2015 về biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Từ khóa: Giữ người, trường hợp khẩn cấp, BLTTHS năm 2015.

Ngày nhận bài: 10/11/2021; Biên tập xong: 13/11/2021; Duyệt đăng: 15/11/2021

The measure of emergency custody specified in the 2015 Criminal Procedure Code are based on the measure of emergency arresting in the 2003 one to ensure the human rights and citizen rights in criminal proceedings recognized in the 2013 Constitution. However, when applying this measure, it has witnessed some limitations making difficulties to bring defendants into account. Therefore, the author gives out some suggestions to perfect regulations on emergency custody in the 2015 Criminal Procedure Code.

Keywords: Custody, emergency, the 2015 Criminal Procedure Code.

G iữ người trong trường hợp khẩn cấp là biện pháp ngăn chặn mang tính chất cưỡng chế nghiêm khắc, ảnh hưởng sâu sắc đến quyền con người và quyền công dân được Hiến pháp và pháp luật đảm bảo. Quy định về giữ người trong trường hợp khẩn cấp là cơ sở pháp lý để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn chặn người phạm tội tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bỏ trốn, tiêu hủy tài liệu chứng cứ hoặc có những hành vi khác gây cản trở hoạt động giải quyết vụ án nhằm tạo điều kiện cho công tác thu thập, củng cố chứng cứ, mở rộng điều tra được diễn ra nhanh chóng, hiệu quả và

đúng quy định của pháp luật.

Thực chất, biện pháp “Giữ người trong trường hợp khẩn cấp” được quy định từ biện pháp “Bắt người trong trường hợp khẩn cấp” tại Điều 81 BLTTHS năm 2003 (cho phép các cơ quan có thẩm quyền khi có căn cứ bắt khẩn cấp được bắt người trước, sau đó mới đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt). Nguyên nhân của sự điều chỉnh này do khoản 2 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định về việc “Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm

* *Thượng úy, Khoa Luật, Học viện An ninh nhân dân*

tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định”. Vì vậy, nếu giữ nguyên quy định như BLTTHS năm 2003 thì biện pháp “Bắt người trong trường hợp khẩn cấp” là trái với Hiến pháp vì bản chất của biện pháp này là “bắt trước, phê chuẩn sau”. Để phù hợp với quy định của Hiến pháp, BLTTHS năm 2015 đã sửa thành biện pháp “Giữ người trong trường hợp khẩn cấp” [1].

Tổng kết thực tiễn áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ thời điểm BLTTHS năm 2015 có hiệu lực thi hành đến nay cho thấy, đây là bước chuyển biến tích cực góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố và xét xử. Cụ thể, diện đối tượng và trường hợp cần thiết giữ khẩn cấp được xác định có căn cứ rõ ràng, trình tự giữ và bắt người bị giữ được tiến hành đúng theo luật định đã khắc phục đáng kể tình trạng bắt, giữ người tùy tiện gây oan, sai, giảm tối đa các trường hợp giữ người trái pháp luật. Điều này thể hiện ở số lượng người bị bắt do bị giữ khẩn cấp mà lệnh bắt được Viện kiểm sát phê chuẩn rất cao và các trường hợp bắt đã được phê chuẩn sau đó phải trả tự do không đáng kể [2].

1. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp

1.1. Các trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp cụ thể

Trường hợp thứ nhất: Khi có đủ căn cứ để xác định một người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (điểm a khoản 1 Điều 110 BLTTHS)

Đây là trường hợp Cơ quan điều tra

(CQĐT) đã có quá trình theo dõi, điều tra, xác minh đủ cơ sở khẳng định một người đang chuẩn bị những điều kiện cần thiết để thực hiện tội phạm như: Công cụ, phương tiện, tính toán thời gian, lựa chọn phương pháp, thủ đoạn, địa điểm... để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, cần thiết phải giữ người để kịp thời ngăn chặn người đó gây thiệt hại cho xã hội.

Ví dụ: CQĐT đã có đủ căn cứ xác định một nhóm người đang chuẩn bị vũ khí, phương tiện để cướp ngân hàng (tội phạm rất nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự - BLHS năm 2015), hoặc một người đang chuẩn bị chất nổ để thực hiện hành vi khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 113 BLHS năm 2015) thì cần phải bắt ngay để ngăn chặn tội phạm.

Trường hợp thứ hai: Khi người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn (điểm b khoản 1 Điều 110 BLTTHS)

Đây là trường hợp người phạm tội đã thực hiện tội phạm nhưng vì một lý do nào đó chưa bị bắt giữ ngay lúc đó nên đã bỏ đi nơi khác. Sau một thời gian, người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm và báo cho cơ quan có thẩm quyền. Xét thấy sự tố giác đó có căn cứ và cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn nên cơ quan có thẩm quyền quyết định bắt

khẩn cấp.

Ví dụ: Sau khi bị cướp tài sản, người bị hại tình cờ gặp lại tên cướp tại một nơi nào đó, ở một thời gian khác nên đã báo cho CQĐT để bắt.

Trường hợp thứ ba: Khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu huỷ chứng cứ (điểm c khoản 1 Điều 110 BLTTHS)

Nếu như ở trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp thứ nhất và thứ hai, cơ quan có thẩm quyền đã có đủ căn cứ để khẳng định về người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm hoặc đã thực hiện tội phạm thì trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền chưa đủ tài liệu, chứng cứ để xác định người thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, qua điều tra, xác minh, CQĐT hoặc cán bộ có thẩm quyền đã điều tra phát hiện thấy dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm, xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu huỷ chứng cứ nên đã quyết định bắt khẩn cấp.

Ví dụ: Tiến hành khám xét, CQĐT tìm thấy cò, chính cương, điều lệ và kế hoạch hoạt động của một tổ chức phản động trong va li đựng quần áo của một đối tượng nghi vấn; hoặc tìm thấy con dao còn dính máu trong nhà của người bị nghi thực hiện hành vi cố ý gây thương tích.

1.2. Thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp

Giữ người trong trường hợp khẩn cấp là một trong số những biện pháp

ngăn chặn mang tính nghiêm khắc, khi áp dụng biện pháp này sẽ hạn chế một số quyền cơ bản của người bị áp dụng. Trong các trường hợp giữ người được quy định tại khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015, sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, người có thẩm quyền phải nhanh chóng áp dụng những biện pháp nghiệp vụ, biện pháp tố tụng để kiểm tra, xác minh mới có thể xác định các trường hợp giữ người này. Vì vậy, phải là những chủ thể có thẩm quyền được pháp luật quy định mới được giữ người trong trường hợp khẩn cấp nhằm hạn chế sự tùy tiện, oan sai, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng [3]. Khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể những người có thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp gồm:

- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT các cấp. CQĐT là chủ thể có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết nguồn tin về tội phạm theo quy định của BLTTHS năm 2015. Sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, CQĐT phải áp dụng các biện pháp hợp pháp theo quy định của pháp luật để kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, nếu có đầy đủ căn cứ để áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì CQĐT được quyền áp dụng biện pháp này. Tuy nhiên, để đảm bảo tính có căn cứ, hợp pháp trong việc áp dụng quy định của pháp luật, đồng thời hạn chế oan, sai trong hoạt động giữ người trong trường hợp khẩn cấp, BLTTHS năm 2015 quy định những người đứng đầu CQĐT mới có thẩm quyền áp dụng biện pháp này.

- Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương, Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chỉ huy trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng.

1.3. Thủ tục giữ người trong trường hợp khẩn cấp

Thủ tục giữ người trong trường hợp khẩn cấp được quy định tại khoản 3, 4 Điều 110 BLTTHS năm 2015 như sau:

- *Người có thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp.* Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người bị giữ, lý do, căn cứ giữ người quy định tại khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 và phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 BLTTHS năm 2015.

- *Thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp.* Việc thi hành lệnh giữ người phải theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 113 BLTTHS năm 2015. Người thi hành lệnh giữ người phải đọc lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, giải thích lệnh, giải thích quyền và nghĩa vụ của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Việc thông báo và giải thích các quyền,

nghĩa vụ cho người bị giữ khi tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp giúp người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp biết được mình có quyền và nghĩa vụ gì để có thể chấp hành tốt, cũng như sử dụng các quyền và nghĩa vụ pháp lý mà pháp luật cho phép để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Khi tiến hành giữ người phải có sự tham gia của người chứng kiến. Khi tiến hành giữ người tại nơi người đó cư trú phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người khác chứng kiến. Khi tiến hành giữ người tại nơi người đó làm việc, học tập phải có đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập chứng kiến. Khi tiến hành giữ người tại nơi khác phải có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tiến hành giữ người. Người thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải lập biên bản. Biên bản phải ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm giữ, nơi lập biên bản; những việc đã làm, tình hình diễn biến trong khi thi hành lệnh giữ, tài liệu, đồ vật bị tạm giữ, tình trạng sức khỏe và ý kiến, khiếu nại của người bị giữ và các nội dung quy định tại Điều 133 của BLTTHS năm 2015. Biên bản giữ người phải được đọc cho người bị giữ và người chứng kiến nghe. Người bị giữ, người thi hành lệnh giữ và người chứng kiến cùng ký tên vào biên bản, nếu ai có ý kiến khác hoặc không đồng ý với nội dung biên bản thì có quyền ghi vào biên bản và ký tên.

- *Những việc cần làm ngay sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp (khoản 4 Điều 110 BLTTHS năm 2015).*

+ Nếu Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT các cấp; trưởng một số đơn vị của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người, các chủ thể này phải lấy lời khai ngay và phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó.

+ Nếu người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng ra lệnh giữ người khẩn cấp thì sau khi tàu bay, tàu biển trở về sân bay, bến cảng đầu tiên, các chủ thể này phải giải ngay người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người đến CQĐT nơi có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận người bị giữ, CQĐT phải lấy lời khai ngay và phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó.

- *Trách nhiệm của người có thẩm quyền trong việc thông báo về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp.* Theo quy định tại Điều 116 BLTTHS năm 2015, sau khi giữ người, người ra lệnh giữ người phải thông báo ngay cho gia đình người bị giữ, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận người bị giữ, CQĐT nhận người bị giữ phải thông báo cho gia đình người bị giữ, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết. Trường hợp người

bị giữ là công dân nước ngoài thì phải thông báo cho cơ quan ngoại giao của Việt Nam để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước có công dân bị giữ. Nếu việc thông báo cản trở truy bắt đối tượng khác hoặc cản trở điều tra thì sau khi cản trở đó không còn, người ra lệnh giữ người, CQĐT nhận người bị giữ phải thông báo ngay.

2. Một số hạn chế trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp và đề xuất hoàn thiện

2.1. Một số hạn chế trong quy định về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp

Như một quy phạm pháp luật bất kỳ, biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp tại BLTTHS năm 2015 không tránh khỏi tồn tại những hạn chế nhất định trong quá trình áp dụng trên thực tế. Qua nghiên cứu về mặt lý luận và từ thực tiễn áp dụng pháp luật, tác giả nhận thấy một số bất cập như sau:

Một là, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 “có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” vẫn còn chung chung và chưa thống nhất với quy định của BLHS năm 2015 về truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp chuẩn bị thực hiện tội phạm. Trong đó:

Quy định về trường hợp giữ khẩn cấp này của BLTTHS năm 2015 chưa làm rõ như thế nào là “đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”, dẫn đến khó

khẩn trong thực tiễn khi xác định một người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm nhằm phục vụ căn cứ giữ khẩn cấp. Cần xác định dựa trên những cơ sở nào mà cơ quan tố tụng có thẩm quyền khẳng định một người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Ở trường hợp này, hành vi phạm tội chưa được thực hiện nên vấn đề đặt ra là làm thế nào để việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp vừa kịp thời, vừa chính xác, tránh sai sót gây ảnh hưởng đến quyền con người. Cần giải thích cụ thể, rõ ràng về căn cứ chứng tỏ người đó đang chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Chưa có sự thống nhất với quy định của BLHS năm 2015 về trách nhiệm hình sự trong trường hợp chuẩn bị thực hiện tội phạm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 BLHS năm 2015, không phải tất cả các trường hợp chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đều phải chịu trách nhiệm hình sự mà chỉ người nào chuẩn bị thực hiện các tội phạm quy định tại một trong số các điều từ Điều 108 đến Điều 123; Điều 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và Điều 324. Ngoài ra, nếu là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 thì mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, nếu quy định chung chung như điểm a khoản 1 Điều 110 BLTTHS thì sẽ dẫn đến việc giữ người tùy tiện, tràn lan không cần thiết. Có thể có nhiều phương án khắc phục hạn chế, bất cập trong quy định về

trường hợp khẩn cấp này như: Giải thích rõ ràng, cụ thể trong văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 110 theo hướng cụ thể hơn cho phù hợp với quy định của BLHS đã nêu trên [4].

Hai là, quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 110 BLTTHS về thẩm quyền ra lệnh giữ và quyết định tạm giữ người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp chưa đầy đủ để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và có sự chồng chéo, mâu thuẫn về nội dung với điều khác trong BLTTHS:

Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy, Điều 37 và khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2015 chưa quy định Điều tra viên là chủ thể có thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp là không đảm bảo tính kịp thời của một biện pháp ngăn chặn theo như mục đích áp dụng biện pháp ngăn chặn mà Điều 109 BLTTHS đưa ra [5]. Nhiều tình huống đã để lọt đối tượng phạm tội vì lệnh giữ người phải mất một khoảng thời gian nhất định để người có thẩm quyền theo quy định ban hành, sau đó Điều tra viên mới có cơ sở pháp lý để tiến hành giữ người. Trong khi đó, đối tượng có thể lợi dụng “lỗ hổng vàng” trên để tiêu huỷ chứng cứ, xoá dấu vết phạm tội hoặc bỏ trốn làm mất nhiều công sức truy bắt và gây khó khăn cho công tác điều tra về sau. Tham khảo BLTTHS một số nước, trong đó có Liên bang Nga, tác giả nhận thấy nhà làm luật mạnh dạn trao cho Điều tra viên nhiều quyền tố tụng quan trọng hơn, trong đó có quyền độc lập ra lệnh/quyết định áp dụng các biện pháp ngăn

chặn như giữ khẩn cấp. Nhờ vậy, các cơ quan tố tụng Liên bang Nga luôn đảm bảo tốt yêu cầu về tính kịp thời trong việc phát hiện và ngăn chặn các đối tượng có nghi vấn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật để hỗ trợ đắc lực cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự khi hội đủ các yếu tố theo luật định.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 110 BLTTHS năm 2015, những người có thẩm quyền quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này có quyền ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó. Riêng đối với những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải giải ngay người bị giữ kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đến CQĐT nơi có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận người bị giữ, CQĐT phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc trả tự do ngay cho người đó. Điều này cho thấy những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2015 không được quyền ra quyết định tạm giữ. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 117 BLTTHS năm 2015 lại quy định: “Những người có thẩm quyền ra lệnh giữ người quy định tại khoản 2 Điều 110 của Bộ luật này có quyền ra quyết định tạm giữ”. Như vậy, rõ ràng quy định tại khoản 4 Điều 110 và khoản 2 Điều 117 BLTTHS năm 2015 có sự mâu thuẫn. Đây là sơ suất trong kỹ thuật lập pháp cần được sửa đổi cho phù hợp với

nguyên tắc thống nhất của pháp luật [6].

Ba là, có một số nhà nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học pháp lý và cán bộ làm công tác thực tiễn như Điều tra viên, Kiểm sát viên... đã nêu vấn đề về sự cần thiết của biện pháp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Điều 110 BLTTHS năm 2015 quy định trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người có thẩm quyền phải ra quyết định tạm giữ, lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người bị giữ. Theo Điều 117 Bộ luật này, biện pháp tạm giữ được áp dụng với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, ngoài việc ra quyết định tạm giữ, người có thẩm quyền còn phải ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Theo Công văn số 5024/VKSTC-V14 thì quyết định tạm giữ đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp được ra trước hoặc cùng với lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Nếu quyết định tạm giữ được ra trước hay đồng thời với lệnh bắt thì khi có quyết định tạm giữ, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đã có tư cách tham gia tố tụng là người bị tạm giữ tại Điều 59 BLTTHS năm 2015 bởi quyết định tạm giữ không đòi hỏi phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn mới có hiệu lực pháp luật. Hơn nữa, trên thực tế, kể từ thời điểm có lệnh giữ khẩn cấp thì người bị giữ hoàn toàn bị hạn chế quyền tự do đi lại, tiếp xúc và phải chịu sự kiểm soát của cơ quan tố tụng có thẩm quyền, về bản chất đã là bị bắt. Nói cách khác, thủ tục bắt người bị tạm giữ dù có hay không cũng không làm ảnh hưởng đến tư cách

tổ tụng của người bị tạm giữ. Như vậy, việc bắt người bị tạm giữ được tiến hành trở nên thừa và gây phức tạp không cần thiết về mặt thủ tục cho người áp dụng biện pháp ngăn chặn trên [7].

2.2. Một số kiến nghị hoàn thiện

Giữ người trong trường hợp khẩn cấp là một trong những tiền đề quan trọng của cả quá trình tố tụng hình sự với nhiệm vụ xác định, ngăn chặn và đặt người có hành vi vi phạm pháp luật tạm thời dưới sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền nhằm hỗ trợ thu thập chứng cứ ban đầu làm căn cứ tiến hành các hoạt động tố tụng sau đó. Vì vậy, quy định về biện pháp ngăn chặn này đòi hỏi phải chặt chẽ hơn để giảm tới mức thấp nhất sai sót trong thực tiễn áp dụng. Do đó, nhằm khắc phục nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, khó khăn phát sinh khi áp dụng biện pháp ngăn chặn “giữ người trong trường hợp khẩn cấp” đã nêu, đồng thời để tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về biện pháp ngăn chặn này, tác giả đề xuất trên phương diện lập pháp cần kịp thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, về trường hợp được giữ người theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015

Các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết áp dụng các quy định của BLTTHS về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, trong đó cần giải thích cụ thể các tình tiết được sử dụng làm những “căn cứ” xác định người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng để

giữ khẩn cấp người đó đúng theo pháp luật. Có thể xây dựng những tiêu chí cụ thể mà dựa vào đó xác định chính xác căn cứ khẳng định tội phạm mà một hay nhiều người đang chuẩn bị thực hiện chứa đựng khả năng thực tế sẽ gây ra hậu quả rất lớn hoặc đặc biệt lớn cho xã hội. Ví dụ: Căn cứ phản ánh hành vi khách quan của người chuẩn bị thực hiện các hành vi cấu thành các loại tội phạm xâm hại đến các khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ (an ninh quốc gia, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản... của con người) như có hành vi tìm kiếm, sửa soạn công cụ, móc nối, lôi kéo người khác tham gia phạm tội hoặc các hành vi khác tạo ra điều kiện thuận lợi để thực hiện hành vi phạm tội... Những căn cứ này do cơ quan có thẩm quyền trực tiếp xác minh thông qua theo dõi đối tượng bằng các biện pháp nghiệp vụ, sàng lọc, khai thác hồ sơ vụ án, vụ việc, qua kiểm tra, xác minh các nguồn tin do cơ quan, tổ chức hoặc quần chúng nhân dân cung cấp...

Để thống nhất với với quy định của BLHS năm 2015 về trách nhiệm hình sự trong trường hợp chuẩn bị thực hiện tội phạm nhằm tránh tình trạng giữ người trái pháp luật, cần bổ sung vào căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp tại điểm a khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 như sau: “Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS”.

Thứ hai, về thẩm quyền ra lệnh giữ và quyết định tạm giữ người bị giữ trong

trường hợp khẩn cấp

Bổ sung Điều tra viên vào nhóm các chủ thể có thẩm quyền ra lệnh giữ khẩn cấp quy định tại Điều 37 và khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2015 nhằm đảm bảo trong các tình huống phải tiến hành giữ người ngay không được trì hoãn, Điều tra viên có thể độc lập và kịp thời áp dụng những biện pháp cần thiết nhằm chặn đứng hành vi phạm tội, ngăn không cho đối tượng tiêu huỷ tài liệu, chứng cứ hoặc bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra, xử lý. Điều tra viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng CQĐT về lệnh giữ người đã ra như mọi quyết định tố tụng khác.

Điều chỉnh lại nội dung khoản 2 Điều 117 BLTTHS năm 2015 theo hướng loại trừ những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều 110 BLTTHS ra khỏi diện chủ thể có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ để giải quyết mâu thuẫn giữa hai điều luật, cũng như tránh cho người áp dụng thực tiễn gặp lúng túng khi thực hiện quy trình tạm giữ đối tượng bị giữ khẩn cấp.

Thứ ba, nhằm giản lược quy định của BLTTHS năm 2015 về giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tác giả đề xuất xem xét bỏ quy định về biện pháp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Phương án này xuất phát từ việc xác định tính hợp lý của biện pháp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp như đã phân tích ở trên. Rõ ràng, sự tồn tại của biện pháp này gây khó khăn, lúng túng cho việc xác định bản chất pháp lý, cũng như làm cho toàn bộ quá trình tố tụng hình sự nói chung đối với người bị giữ

trong trường hợp khẩn cấp trở nên kéo dài không cần thiết, khiến người có thẩm quyền áp dụng phải lập thêm nhiều văn bản tố tụng và làm bớt đi thời gian để tiến hành các hoạt động quan trọng khác như thu thập bổ sung chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội hoặc chứng cứ ngoại phạm của người bị giữ. Đặt trong tổng thể các quy định của BLTTHS năm 2015 thì bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp không có sự liên kết với các chế định khác./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS Nguyễn Ngọc Hà (2018), *"Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự 2015"*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, tr. 216;
2. Quảng Văn Toàn (2020), *"Biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo pháp luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh"*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội, tr.37;
3. Phan Thanh Mai (1998), *"Việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp"*, Tạp chí Luật học số 5;
4. Nguyễn Tất Thắng (2018), *"Những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015"*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Cảnh sát nhân dân (số 110 – 11/2018), Đại học Cảnh sát nhân dân, TP. Hồ Chí Minh, tr.12-tr17;
5. Báo cáo tổng kết 5 năm thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, 2020;
6. Nguyễn Quốc Hân (2018), *"Những vướng mắc khi áp dụng quy định về giữ người trong trường hợp khẩn cấp và thủ tục bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp"*, Tạp chí Kiểm sát số 15/2018;
7. Vũ Minh Phương, *"Tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp"*, Tạp chí An ninh nhân dân, số 98 (7/2020), tr.97-99.